

PHONG TỤC TẬP QUÁN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỘC NGƯỜI MÔNG Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Lãnh Thị Bích Hoà

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Phong tục tập quán (PTTQ) là hiện tượng tâm lý - xã hội, là sản phẩm hoạt động thực tiễn của con người. Những hình thức PTTQ đa dạng và phong phú được thể hiện rất rõ trong tư tưởng, tình cảm, trong tư duy, lối sống, cách ứng xử và được thể hiện ra bên ngoài thông qua các hình thức lao động sản xuất, qua tục lệ cưới xin, tang ma, thờ cúng, lễ hội v.v... của một cộng đồng người nhất định, được hình thành trong lịch sử, đã trở thành một nếp sống ổn định và được lưu truyền từ đời này sang đời khác. PTTQ tồn tại dưới dạng qui ước, qui định điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong cộng đồng. Tính cưỡng chế của nó được thể hiện thông qua sự tác động của dư luận, niềm tin, tín ngưỡng của cá nhân, của cộng đồng xã hội. PTTQ đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam nói chung, dân tộc Mông nói riêng ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.

Hiện nay dân tộc Mông sống ở nước ta có khoảng 60 vạn người, chiếm tỷ lệ gần 1% dân số cả nước. Nơi cư trú của đồng bào chủ yếu tập trung ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái v.v... và một số các tỉnh như Nghệ An, Thanh Hoá, Hoà Bình v.v... gần đây có một số vào các tỉnh Tây Nguyên sinh sống.

Người Mông Việt Nam là một trong những cư dân sinh sống sớm nhất, lâu nhất ở vùng núi cao của miền Bắc Việt Nam. Dân tộc Mông thuộc nhóm ngữ hệ Mông - Dao. Người Dao vào nước ta khoảng thế kỷ XIII còn người Mông muộn

hơn, cách đây khoảng 2-3 thế kỷ. Khi sang ta thì vùng thấp và vùng giữa đã có người cư trú, nên họ phải sống trên rẻo cao, cách mặt biển hơn 1.000m, làm rẫy du canh, du cư.

Địa bàn cư trú hiện nay của các dân tộc cũng đồng thời phản ánh quá trình và thời gian phân bố tộc người. Những dân tộc sinh sống lâu đời thì chủ yếu sống ở vùng thấp, thung lũng như Tày, Nùng, Việt. Những dân tộc đến muộn hơn thì ở rẻo giữa như người Dao, người Thái, còn dân tộc chuyển cư muộn hơn cả thì ở rẻo cao như dân tộc Mông. Người Mông tự gọi tên dân tộc mình là dân tộc Mông, là người Mông. Người Mông ở Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Việt Nam... đều thống nhất một tên như vậy. Không bao giờ họ tự gọi mình là Mèo, Miêu hay Hơ Mông. Tên của dân tộc được gọi theo tên mà dân tộc đó thường tự gọi và thừa nhận là đúng nhất. Tại Hội nghị cốt cán dân tộc Mông có đại diện của tất cả các địa phương và các nhóm Mông ở trong nước đến dự, năm 1987 do Ủy ban dân tộc của Chính phủ chủ trì, đã thống nhất kiến nghị và được chấp nhận tên gọi là dân tộc Mông mà không gọi là Mèo nữa.

1. Dân tộc Mông miền núi phía Bắc, với đa số là cư dân sống trên rẻo cao, chủ yếu sống bằng nghề nông là chính, bằng phương thức canh tác nương rẫy (phát - đốt), thu nhập gia đình chủ yếu bằng các nghề trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn và hái lượm, nền kinh tế cơ bản là tự cấp, tự túc. Do phương thức canh tác nương rẫy, nên sự tác động với cây trồng đều bằng sức lực của con người, việc sử dụng phân bón, sức kéo trâu bò, các phương tiện đều khó khăn nên năng suất cây trồng thường không ổn định, bấp bênh. Bởi vậy đời sống người Mông còn gặp nhiều khó khăn.

Trong cơ cấu của nền kinh tế tiểu nông truyền thống, trồng trọt cây lương thực đóng vai trò chính, thì các nghề thủ công như: nghề dệt, nghề rèn, nghề mộc, nghề đan lát, v.v... cũng góp phần cải thiện đời sống của một bộ phận dân cư miền núi phía Bắc. Đồng thời nó cũng thể hiện tính đa dạng, phong phú trong quá trình hình thành đặc trưng truyền thống văn hoá cũng như PTTQ của các dân tộc.

PTTQ của người Mông thể hiện khá rõ qua cách thức tổ chức cộng đồng. Điều này thể hiện qua các khía cạnh cụ thể sau:

a) Tổ chức làng, bản:

Hay còn gọi là "giao" (Người Mông ở những vùng thuộc Việt Bắc, Tây Bắc gọi là "giao", còn người Mông ở Bắc Trung Bộ lại gọi là "Lu Dờ") để chỉ một địa điểm, có một nhóm gia đình cùng làm ăn, sinh sống, cùng một dân tộc có quan hệ họ hàng và láng giềng với nhau. Đây là nơi cư trú mang đầy đủ các quan hệ cơ cấu

tổ chức kinh tế - xã hội, là đơn vị xã hội nhỏ nhất nhưng lại thể hiện tập trung rõ nhất bản sắc văn hoá dân tộc Mông.

Cho tới nay, do dân số tăng, qui mô "giao" của người Mông trong mấy chục năm qua có sự thay đổi nhanh chóng, các "giao" đều phát triển với số hộ đông hơn trước rất nhiều.

Về mặt tổ chức, mỗi "giao" có một hoặc hai người đứng đầu là trưởng bản, tiếng Mông gọi là "Lùng Thầu" hay "Sống Thầu". Họ là người điều hành công việc chung của bản, đồng thời quy định những quy ước và các luật tục của "giao". Trưởng bản thường là người nói được, làm được, biết phân biệt đúng sai, công bằng, ứng xử và giao tiếp rộng; có anh em họ hàng đông, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. Họ được đại diện các gia đình trong "giao" cử ra theo chế độ luân phiên; họ có nhiệm vụ thực hiện qui ước chung, xử lý, giải quyết những công việc chung của "giao". Cộng đồng giao có sự cố kết nhất định về mặt kinh tế - xã hội và tinh thần. Tuy không có đất canh tác riêng vì ruộng đất thuộc quyền sở hữu của từng gia đình, nhưng mỗi "giao" đều có địa vực cư trú riêng, có khu rừng công, có bãi chăn thả, có sông suối, đồi cỏ... mọi gia đình trong "giao" đều có quyền sử dụng và có trách nhiệm bảo vệ và coi là tài sản chung của "giao".

Các thành viên trong "giao" đều có ý thức cộng đồng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, khi có công việc lớn như: ma chay, cưới xin, làm nhà mới hoặc các gia đình gặp hoạn nạn khó khăn...

b) Tổ chức dòng họ:

Dòng họ và những sự cố kết trong dòng họ là đặc điểm nổi bật của người Mông. Dòng họ là một cộng đồng người có quan hệ huyết thống tính theo hệ cha. Các thành viên trong họ gắn bó với nhau bởi cùng một phả hệ dòng nam, và do một tông tổ. Cụ thể còn có người nhớ được thông thường 3 thế hệ thành viên các dòng họ là những người nam giới cùng vợ con họ. Các thành viên gắn bó với nhau về tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng, và có mối quan hệ nhất định về kinh tế, đã là người cùng dòng họ thì bất kể cư trú ở đâu, quốc tịch nào cùng họ tức là cùng chung một ông tổ sinh ra, cùng một cách làm ma nghi lễ cúng bái và những điều kiêng kỵ của một dòng họ. Đây cũng là dấu hiệu cơ bản để nhận ra anh em họ hàng với nhau.

Dòng họ bao gồm nhiều gia đình nhưng không nhất thiết phải cư trú gần nhau. Mỗi dòng họ ở Bắc Hà, Lào Cai nhưng có thành viên cư trú ở Lai Châu hoặc vùng Thượng Lào. Tuy ở xa nhưng mỗi khi các thành viên đến nhà thăm nhau đều được coi như người nhà, có thể ốm hoặc chết trong nhà người cùng tổ tiên. Thành viên trong dòng họ dẫu ở xa đến mấy cũng tuyệt đối không có quan hệ hôn nhân

với nhau. Riêng các thành viên nữ cùng thế hệ với thành viên nam tuy đã đi lấy chồng, thuộc về họ nhà chồng, nhưng vẫn liên hệ chặt chẽ với dòng họ xuất thân và dòng họ luôn có trách nhiệm quan tâm đến thân phận làm dâu của họ. Đứng đầu dòng họ là trưởng tộc gọi là Hổ Páo, ông là người có uy tín, luôn quan tâm tới đời sống các thành viên, có nhiều kinh nghiệm sản xuất, ... am hiểu các nghi lễ kiêng kỵ riêng của dòng họ, hiểu biết các PTTQ và "cái lý" của người Mông.

c) Gia đình:

Gia đình là thiết chế xã hội, hạt nhân chi phối diện mạo của làng, bản. Gia đình cũng chính là cái nôi lưu giữ hình thành và phát triển văn hoá truyền thống của dân tộc Mông.

Người Mông hiện nay tồn tại 3 hình thức gia đình: Loại gia đình phổ biến là gia đình nhỏ bao gồm hai thế hệ (bố, mẹ và con cái chưa đến tuổi trưởng thành). Một loại gia đình khác là gia đình nhỏ mở rộng có thêm ông, bà cùng với con cháu. Đặc biệt ở một số xã thuộc huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai; Trạm Tấu ở tỉnh Yên Bái, Phong Thổ tỉnh Lai Châu còn một số gia đình lớn có quy mô từ 15-20 người, gồm bố mẹ già, các cặp vợ chồng của các con đã trưởng thành, cùng những người chưa lập gia đình. Tuy nhiên, loại gia đình này ngày càng có xu hướng mất dần. Trong bản làng dân tộc Mông, mỗi gia đình nhỏ được tách ra thường cư trú quây quần bên nhau.

Các mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong gia đình lớn cũng như gia đình nhỏ đều do truyền thống phụ hệ quy định. Vai trò người đàn ông rất quan trọng, họ có quyền quyết định điều hành mọi công việc trong gia đình: tổ chức làm ăn, phân chia tài sản, đến việc hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng. Trong gia đình và cả ngoài cộng đồng người Mông, người đàn ông là chủ gia đình có vị trí cao. Người phụ nữ Mông truyền thống hầu như không có quyền hành gì ngoài xã hội, họ phụ thuộc chủ yếu vào người đàn ông. Điều này bắt nguồn từ tục thách cưới cao, người Mông cho rằng, người con gái có giá trị nhất là lúc đi lấy chồng, được bồi trả tiền bạc, chính vì vậy mà người phụ nữ phải chăm chỉ làm việc, phải phục tùng tuyệt đối chồng và gia đình chồng.

Gia đình Mông là một đơn vị kinh tế, sự phân công lao động (nhất là vào thời vụ) rất chặt chẽ theo giới tính, lứa tuổi, gia đình. Đồng thời cũng là một đơn vị văn hoá, một môi trường trao truyền và phát triển văn hoá, lưu giữ những PTTQ truyền thống. Ngay từ khi còn nhỏ, em bé đã được tiếp xúc với tiếng hát ru, lớn lên em chơi hát đồng dao. Các mẹ, các chị dạy cho em gái biết thêu thùa, in sáp, hát dân ca. Các anh dạy em trai biết thổi sáo, khèn. Và thông qua gia đình, mỗi thành

viên đều tự học các nếp ứng xử, thói quen của dòng họ mình.

2. Đặc điểm địa hình, địa lý, đặc điểm của môi trường tự nhiên, xã hội cũng như hình thức tổ chức xã hội nông thôn đã tạo nên sắc thái văn hoá khác biệt trong nếp sống, nếp nghĩ, nét tâm lý đặc thù của người Mông vùng núi phía Bắc, những sắc thái đó được lặp đi lặp lại trở thành thói quen, truyền thống của mỗi bản, làng. Do những nét đặc thù riêng biệt mà mỗi bản làng có một hệ thống PTTQ riêng tồn tại dưới dạng tập quán truyền miệng rất có hiệu lực mà nhân dân gọi là lệ làng. Lệ làng có vai trò quan trọng trong việc tuân thủ phép nước và ổn định đời sống xã hội nông thôn. Để dung hoà những mối quan hệ đó, mặt khác cũng do nhu cầu ứng xử ngày càng phức tạp của đời sống xã hội, mà tập quán truyền miệng được nâng lên thành hương ước, qui ước, điều ước...

PTTQ có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống dân tộc Mông miền núi phía Bắc, nó đã góp phần điều chỉnh, ổn định hành vi tâm lý, đạo đức thông qua các quy ước, nếp sống được mọi người tự giác, bền bỉ thực hiện, biến thành thói quen bền vững. Thể hiện qua bên ngoài bằng các hoạt động, tư duy đã trở thành nếp được thực hiện nhẹ nhàng, không cần phải đôn đốc và nhắc nhở. PTTQ chứa đựng những giá trị chuẩn mực về đạo đức, lễ sống, là căn cứ của hành vi, làm tiêu chuẩn để dư luận khen chê, tác động vào lương tâm và danh dự của mọi người.

PTTQ truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc nói chung, dân tộc Mông nói riêng được coi là một giá trị nền tảng, một tài sản của quá khứ dành cho hiện tại và tương lai. Muốn đất nước phát triển giàu mạnh và phồn vinh, mang đậm bản sắc dân tộc thì việc yêu cầu bảo lưu và phát triển những giá trị truyền thống của dân tộc trở thành cấp bách và có ý nghĩa vô cùng quan trọng. PTTQ tốt đẹp ở từng địa phương đã và sẽ là bộ phận cấu thành rất quan trọng nội dung văn hoá cơ sở, được biểu hiện rõ nét ở các khía cạnh văn hoá tinh thần và văn hoá ứng xử.